

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2008/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Quy chế tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình
trong ngành giao thông vận tải**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22/4/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Chính

phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và chất lượng CTGT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tư vấn giám sát xây dựng công trình trong ngành giao thông vận tải”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 1562/1999/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc

ban hành “Quy chế tư vấn giám sát xây dựng công trình trong ngành giao thông vận tải”.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông, Cục trưởng các Cục Quản lý chuyên ngành thuộc

Bộ, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng

QUY CHẾ

tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình trong ngành giao thông vận tải
(ban hành kèm theo Quyết định số 22/2008/QĐ-BGTVT ngày 20 tháng 10
năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Chương 1**QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định hoạt động tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, được áp dụng thống nhất đối với tất cả các dự án đầu tư xây dựng công trình trong ngành giao thông vận tải có nguồn vốn từ Ngân sách Nhà nước.

Khuyến khích áp dụng Quy chế này đối với các dự án có nguồn vốn khác.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình trong ngành giao thông vận tải;

b) Các tổ chức giám sát do chủ đầu tư thành lập để tự thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình, thực hiện theo các quy định cụ thể trong Quy chế này, phù hợp với vai trò, chức năng và nhiệm vụ được giao.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tư vấn giám sát là hoạt động dịch vụ tư vấn, thực hiện các công việc quản lý, giám sát quá trình thi công xây dựng công trình theo hợp đồng với chủ đầu tư.

2. Tổ chức tư vấn giám sát là nhà thầu thực hiện việc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình theo hợp đồng ký kết với chủ đầu tư.

3. Cá nhân tư vấn giám sát là người thuộc tổ chức tư vấn giám sát hoặc người hành nghề độc lập về tư vấn giám sát.

4. Tổ chức tư vấn thiết kế xây dựng công trình là nhà thầu thực hiện khảo sát, thiết kế kỹ thuật (trong thiết kế 3 bước) hoặc khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công (trong thiết kế 1 bước, 2 bước) làm căn cứ lập hồ sơ mời thầu thi công xây dựng công trình theo hợp đồng với chủ đầu tư.

5. Nhà thầu thi công xây dựng công trình (sau đây gọi là nhà thầu) là tổ chức thực hiện công tác thi công xây dựng công trình theo hợp đồng ký kết với chủ đầu tư.

6. Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình (của cá nhân) là giấy xác nhận năng lực hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình, được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định (sau đây gọi là chứng chỉ).

Điều 3. Lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát

Các tổ chức tham gia thực hiện công tác tư vấn giám sát thi công các dự án xây dựng công trình trong ngành giao thông vận tải, phải thông qua lựa chọn theo hình thức đấu thầu hoặc chỉ định thầu theo các quy định hiện hành.

Chương 2

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA TƯ VẤN GIÁM SÁT

Điều 4. Nhiệm vụ của tổ chức tư vấn giám sát

Tổ chức tư vấn giám sát có nhiệm vụ: bố trí nhân sự đủ điều kiện năng lực theo quy định và trang thiết bị, dụng cụ cần thiết cho công tác tư vấn giám sát; tổ chức các văn phòng tư vấn giám sát tại hiện trường phù hợp với quy mô, yêu cầu của từng dự án, công trình (đối với dự án xây dựng giao thông, xem Phụ lục - Mô hình tổ chức văn phòng tư vấn giám sát đối với dự án xây dựng giao thông);

thực hiện các nhiệm vụ về quản lý chất lượng, quản lý tiến độ thi công, quản lý khối lượng và giá thành xây dựng công trình, quản lý an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình. Cụ thể như sau:

1. Quản lý (kiểm soát) chất lượng

a) Kiểm tra, soát xét lại các bản vẽ thiết kế của hồ sơ mời thầu, các chỉ dẫn kỹ thuật, các điều khoản hợp đồng, đề xuất với chủ đầu tư về phương án giải quyết những tồn tại hoặc điều chỉnh cần thiết (nếu có) trong hồ sơ thiết kế cho phù hợp với thực tế và các quy định hiện hành;

b) Rà soát, kiểm tra tiến độ thi công tổng thể và chi tiết do nhà thầu lập, có ý kiến về sự phù hợp với tiến độ thi công tổng thể; có kế hoạch bố trí nhân sự tư vấn giám sát cho phù hợp với kế hoạch thi công theo từng giai đoạn;

c) Căn cứ hồ sơ thiết kế, các chỉ dẫn kỹ thuật đã được duyệt trong hồ sơ mời thầu, các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành được áp dụng cho dự án, thực hiện thẩm tra bản vẽ thi công do nhà thầu lập và trình chủ đầu tư phê duyệt;

d) Căn cứ các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công đã được phê duyệt, các quyết định điều chỉnh, đề thẩm tra các đề xuất khảo sát bổ sung của nhà thầu, có ý kiến trình chủ đầu tư quyết định; thực

hiện kiểm tra, theo dõi công tác đo đạc, khảo sát bổ sung của nhà thầu; kiểm tra, soát xét và ký phê duyệt hoặc trình chủ đầu tư phê duyệt các bản vẽ thiết kế thi công, biện pháp thi công của những nội dung điều chỉnh, bổ sung đã được chủ đầu tư, ban quản lý dự án chấp thuận, đảm bảo phù hợp với thiết kế trong hồ sơ mời thầu;

đ) Kiểm tra các điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 72 của Luật xây dựng;

e) Kiểm tra về nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào công trường; xác nhận số lượng, chất lượng máy móc, thiết bị (giấy chứng nhận của nhà sản xuất, kết quả kiểm định thiết bị của các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận) của nhà thầu chính, nhà thầu phụ theo hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu; kiểm tra công tác chuẩn bị tập kết vật liệu (kho, bãi chứa) và tổ chức công trường thi công (nhà ở, nhà làm việc và các điều kiện sinh hoạt khác);

g) Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng nội bộ của nhà thầu: hệ thống tổ chức và phương pháp quản lý chất lượng, các bộ phận kiểm soát chất lượng (từ khâu lập hồ sơ bản vẽ thi công, kiểm soát chất lượng thi công tại công trường, nghiệm thu nội bộ);

h) Kiểm tra và xác nhận bằng văn bản về chất lượng phòng thí nghiệm hiện trường của nhà thầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu; kiểm tra chứng chỉ về năng lực chuyên môn của các cán bộ, kỹ sư, thí nghiệm viên;

i) Giám sát chất lượng vật liệu tại nguồn cung cấp và tại công trường theo yêu cầu của chỉ dẫn kỹ thuật. Lập biên bản không cho phép sử dụng các loại vật liệu, cấu kiện, thiết bị và sản phẩm không đảm bảo chất lượng do nhà thầu đưa đến công trường, đồng thời yêu cầu chuyên khởi công trường;

k) Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng thi công của từng phần việc, từng hạng mục khi có thư yêu cầu từ nhà thầu theo quy định trong chỉ dẫn kỹ thuật. Kết quả kiểm tra phải ghi nhật ký giám sát của tổ chức tư vấn giám sát hoặc biên bản kiểm tra theo quy định;

l) Giám sát việc lấy mẫu thí nghiệm, lưu giữ các mẫu đối chứng của nhà thầu; giám sát quá trình thí nghiệm, giám định kết quả thí nghiệm của nhà thầu và xác nhận vào phiếu thí nghiệm;

m) Phát hiện các sai sót thi công, khuyết tật, hư hỏng, sự cố các bộ phận công trình; lập biên bản hoặc hồ sơ sự cố theo quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền giải quyết;

n) Kiểm tra đánh giá kịp thời chất lượng, các hạng mục công việc, bộ phận

công trình; yêu cầu tổ chức và tham gia các bước nghiệm thu theo quy định hiện hành;

o) Xác nhận bằng văn bản kết quả thi công của nhà thầu đạt yêu cầu về chất lượng theo quy định trong chỉ dẫn kỹ thuật của hồ sơ thầu;

p) Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu lập hồ sơ hoàn công, thanh, quyết toán kinh phí xây dựng, rà soát và xác nhận để trình cấp có thẩm quyền.

2. Quản lý tiến độ thi công

a) Kiểm tra, xác nhận tiến độ thi công tổng thể và chi tiết các hạng mục công trình do nhà thầu lập đảm bảo phù hợp tiến độ thi công đã được duyệt;

b) Kiểm tra, đôn đốc tiến độ thi công. Khi cần thiết, yêu cầu nhà thầu điều chỉnh tiến độ thi công cho phù hợp với thực tế thi công và các điều kiện khác tại công trường, nhưng không làm ảnh hưởng đến tổng tiến độ của dự án. Đề xuất các giải pháp rút ngắn tiến độ thi công nhưng không được làm ảnh hưởng đến chất lượng và đảm bảo giá thành hợp lý. Trường hợp xét thấy tổng tiến độ của dự án bị kéo dài thì tư vấn giám sát phải đánh giá, xác định các nguyên nhân, trong đó cần phân định rõ các yếu tố thuộc trách nhiệm của nhà thầu và các yếu tố khách quan khác, báo cáo chủ đầu tư bằng văn bản để chủ đầu tư trình cấp

có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chỉnh tiến độ của dự án;

c) Thường xuyên kiểm tra năng lực của nhà thầu về nhân lực, thiết bị thi công so với hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu và thực tế thi công; yêu cầu nhà thầu bổ sung hoặc báo cáo, đề xuất với chủ đầu tư các yêu cầu bổ sung, thay thế nhà thầu, nhà thầu phụ để đảm bảo tiến độ khi thấy cần thiết.

3. Quản lý khối lượng và giá thành xây dựng công trình

a) Kiểm tra xác nhận khối lượng đạt chất lượng, đơn giá đúng quy định do nhà thầu lập, trình, đối chiếu với hồ sơ hợp đồng, bản vẽ thi công được duyệt và thực tế thi công để đưa vào chứng chỉ thanh toán hàng tháng hoặc từng kỳ, theo yêu cầu của hồ sơ hợp đồng và là cơ sở để thanh toán phù hợp theo chế độ quy định;

b) Đề xuất giải pháp và báo cáo kịp thời lên chủ đầu tư về khối lượng phát sinh mới ngoài khối lượng trong hợp đồng, do các thay đổi so với thiết kế được duyệt. Sau khi có sự thống nhất của chủ đầu tư bằng văn bản, rà soát, kiểm tra hồ sơ thiết kế, tính toán khối lượng, đơn giá do điều chỉnh hoặc bổ sung do nhà thầu thực hiện, lập báo cáo và đề xuất với chủ đầu tư chấp thuận;

c) Theo dõi, kiểm tra các nội dung điều chỉnh, trượt giá, biến động giá; thực hiện

yêu cầu của chủ đầu tư trong việc lập, thẩm định dự toán bổ sung và điều chỉnh dự toán; hướng dẫn và kiểm tra nhà thầu lập hồ sơ trượt giá, điều chỉnh biến động giá theo quy định của hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật hiện hành;

d) Tiếp nhận, hướng dẫn nhà thầu lập lệnh thay đổi và hồ sơ sửa đổi, phụ lục bổ sung hợp đồng. Đề xuất với chủ đầu tư phương án giải quyết tranh chấp hợp đồng (nếu có).

4. Quản lý an toàn lao động, vệ sinh môi trường

a) Kiểm tra biện pháp tổ chức thi công, đảm bảo an toàn khi thi công xây dựng của nhà thầu. Kiểm tra hệ thống quản lý an toàn lao động, vệ sinh môi trường, việc thực hiện và phổ biến các biện pháp, nội quy an toàn lao động cho các cá nhân tham gia dự án của các nhà thầu;

b) Thường xuyên kiểm tra và yêu cầu nhà thầu đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường tại công trường.

5. Kiểm tra và yêu cầu nhà thầu thực hiện các biện pháp đảm bảo giao thông, tổ chức giao thông của nhà thầu, đặc biệt là đối với các dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng công trình giao thông đang khai thác.

6. Những vấn đề khác

a) Tham gia giải quyết những sự cố có liên quan đến công trình xây dựng và

báo cáo lên cấp có thẩm quyền theo quy định hiện hành;

b) Lập báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) và đột xuất (khi có yêu cầu hoặc khi thấy cần thiết) gửi chủ đầu tư. Các nội dung chính cần báo cáo: tình hình thực hiện dự án; tình hình hoạt động của tư vấn (huy động và bố trí lực lượng, kết quả thực hiện hợp đồng tư vấn); các đề xuất, kiến nghị;

c) Tiếp nhận, đối chiếu và hướng dẫn nhà thầu xử lý theo các kết quả kiểm tra giám định, phúc tra của các cơ quan chức năng và chủ đầu tư.

7. Tham gia hội đồng nghiệm thu cơ sở theo quy định hiện hành.

Điều 5. Quyền hạn của tổ chức tư vấn giám sát

1. Nghiệm thu khối lượng công trình đã thi công đảm bảo chất lượng, theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt và đảm bảo các yêu cầu của tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án, các quy trình, quy phạm hiện hành.

2. Yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng thực hiện theo đúng hợp đồng.

3. Bảo lưu ý kiến đối với công việc giám sát do mình đảm nhận.

4. Đề xuất với chủ đầu tư về những điểm bất hợp lý cần thay đổi hoặc điều chỉnh (nếu có) đối với bản vẽ thiết kế,

chỉ dẫn kỹ thuật của hồ sơ thầu và các vấn đề khác theo quy định hiện hành.

5. Đình chỉ việc sử dụng vật liệu, cấu kiện không đúng tiêu chuẩn, không đảm bảo chất lượng vận chuyển đến công trường và yêu cầu mang ra khỏi công trường.

6. Đình chỉ thi công khi: phát hiện nhà thầu bố trí nhân lực, các vật liệu, thiết bị thi công không đúng chủng loại, không đủ số lượng theo hợp đồng đã ký hoặc hồ sơ trúng thầu được duyệt; phát hiện nhà thầu thi công không đúng quy trình, quy phạm, chỉ dẫn kỹ thuật trong hồ sơ thầu và hồ sơ thiết kế được duyệt; biện pháp thi công gây ảnh hưởng tới công trình lân cận, gây ô nhiễm môi trường, không đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông mà nhà thầu đã ký với chủ đầu tư.

7. Kỹ sư tư vấn giám sát được trang bị những thiết bị cần thiết để kiểm tra chất lượng các phần việc thi công của nhà thầu theo đặc thù của từng dự án.

8. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nghĩa vụ của tổ chức tư vấn giám sát

1. Thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng đã ký với chủ đầu tư. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và trước pháp luật về những công việc thực hiện của tổ chức mình theo hợp đồng đã ký kết.

2. Thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình phù hợp với năng lực và phạm vi hoạt động ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và theo quy định của pháp luật. Bố trí người có chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát và đủ điều kiện năng lực để thực hiện giám sát. Không mượn danh nghĩa của tổ chức tư vấn giám sát khác để tham gia lựa chọn và ký hợp đồng thực hiện tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình.

3. Từ chối nghiệm thu khi nhà thầu thi công không đảm bảo yêu cầu về chất lượng và các yêu cầu bất hợp lý khác của các bên có liên quan.

4. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp.

5. Không được thông đồng với nhà thầu, chủ đầu tư và có các hành vi khác làm sai lệch kết quả giám sát hoặc nghiệm thu không đúng khối lượng thực hiện.

6. Khi phát hiện nhà thầu có vi phạm, sai phạm trong quá trình thi công về chất lượng và các quy định tại khoản 6, Điều 5 của Quy chế này, phải yêu cầu nhà thầu dừng thi công và thực hiện đúng hợp đồng đã ký với chủ đầu tư hoặc khắc phục hậu quả. Sau khi đình chỉ thi công, phải thông báo ngay cho chủ đầu tư bằng văn bản để chủ đầu tư xem xét quyết định.

7. Bồi thường thiệt hại khi cố ý làm sai lệch kết quả giám sát đối với khối lượng thi công không đúng thiết kế, không tuân

theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và chỉ dẫn kỹ thuật của dự án.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của Tư vấn giám sát trưởng (Giám đốc dự án)

1. Tư vấn giám sát trưởng (Giám đốc dự án) là người đại diện hợp pháp cao nhất tại hiện trường của tổ chức tư vấn giám sát, được tổ chức tư vấn giám sát ủy quyền trực tiếp quản lý, điều hành đơn vị tư vấn giám sát thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ quy định trong Quy chế này và theo các điều khoản hợp đồng đã ký kết giữa tổ chức tư vấn giám sát với chủ đầu tư.

2. Nhiệm vụ của Tư vấn giám sát trưởng:

a) Tổ chức và phân công công việc cho các nhóm, các thành viên của tổ chức tư vấn giám sát tại công trường, thông qua tổ chức tư vấn để báo cáo hoặc báo cáo trực tiếp tới chủ đầu tư và thông báo cho các đơn vị liên quan;

b) Kiểm tra đôn đốc việc thực hiện tư vấn giám sát của các nhóm, các thành viên tư vấn giám sát theo hợp đồng đã ký;

c) Phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình;

d) Tổng hợp và lập báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) hoặc đột xuất theo quy định hoặc theo yêu cầu của chủ đầu tư.

3. Quyền hạn của tư vấn giám sát trưởng

Tư vấn giám sát trưởng có quyền phủ quyết các ý kiến, kết quả làm việc không đúng với các quy định trong chỉ dẫn kỹ thuật, quy chuẩn, quy trình xây dựng, hồ sơ thầu của các thành viên trong tổ chức tư vấn giám sát của mình.

4. Nghĩa vụ của tư vấn giám sát trưởng

Tư vấn giám sát trưởng là người chịu trách nhiệm chính trước tổ chức tư vấn giám sát và chủ đầu tư về quản lý điều hành đơn vị tư vấn giám sát tại hiện trường, thực hiện công tác tư vấn giám sát theo đúng hợp đồng đã được ký kết.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của tư vấn giám sát trưởng, kỹ sư tư vấn giám sát thường trú, kỹ sư tư vấn giám sát chuyên ngành, giám sát viên

Kỹ sư tư vấn giám sát thường trú (sau đây gọi là kỹ sư thường trú) là người đại diện cho Tư vấn giám sát trưởng, quản lý nhóm tư vấn giám sát, thực hiện các nhiệm vụ tư vấn giám sát trong phạm vi được tư vấn giám sát trưởng ủy quyền tại một hoặc một số gói thầu của dự án.

1. Kỹ sư tư vấn giám sát chuyên ngành (sau đây gọi là kỹ sư chuyên ngành) là người giúp tư vấn giám sát trưởng và kỹ sư thường trú; thực hiện kiểm tra bản vẽ thi công, biện pháp thi công của nhà thầu; xử lý những vướng mắc về kỹ thuật trong quá trình thi công; nghiệm thu chất lượng, khối lượng và ký xác nhận theo

phân công của tư vấn giám sát trưởng khi nhà thầu có thư yêu cầu; báo cáo tư vấn giám sát trưởng hoặc kỹ sư thường trú về những công việc thực hiện, những vướng mắc cần giải quyết trước khi ra quyết định; các nhiệm vụ khác do tư vấn giám sát trưởng phân công.

2. Giám sát viên là người giám sát và trực tiếp kiểm tra theo dõi quá trình thi công của nhà thầu tại hiện trường về việc thực hiện đúng bản vẽ thi công, biện pháp thi công được duyệt và tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án, công trình; giám sát viên phải báo ngay cho kỹ sư thường trú hoặc kỹ sư tư vấn giám sát chuyên ngành và nhắc nhở nhà thầu về những sai khác hoặc có nguy cơ sai sót khi thi công so với thiết kế, hoặc biện pháp thi công được duyệt; giám sát viên phải thường xuyên có mặt tại hiện trường hướng dẫn, nhắc nhở, theo dõi và ghi lại các chi tiết có liên quan đến các hạng mục thi công của nhà thầu theo sự phân công của kỹ sư thường trú; chịu trách nhiệm trước kỹ sư thường trú, tư vấn giám sát trưởng và pháp luật về những thiếu sót do mình gây ra.

Chương 3

ĐIỀU KIỆN, NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA TƯ VẤN GIÁM SÁT

Điều 9. Điều kiện, năng lực của tổ chức tư vấn giám sát

1. Tổ chức thực hiện công tác tư vấn giám sát phải có tư cách pháp nhân, có đủ điều kiện, năng lực phù hợp với phân cấp, phân loại công trình và công việc theo quy định tại Điều 62 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ.

2. Các tổ chức tư vấn giám sát có năng lực Hạng 1, được thực hiện công tác tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, II, III và IV trong dự án xây dựng giao thông hoặc các dự án xây dựng giao thông nhóm A, B, C.

3. Các tổ chức tư vấn giám sát có năng lực Hạng 2, được thực hiện công tác tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp II, III và IV trong dự án xây dựng giao thông hoặc các dự án xây dựng giao thông nhóm B, C không có công trình cấp I, cấp đặc biệt.

Điều 10. Điều kiện, năng lực của cá nhân tham gia tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình giao thông: Tư vấn giám sát trưởng, kỹ sư thường trú, kỹ sư chuyên ngành và giám sát viên.

1. Tư vấn giám sát trưởng: Phải có chứng chỉ hành nghề giám sát xây dựng công trình giao thông. Tùy theo quy mô cấp hạng và mức độ phức tạp của công trình, Tư vấn giám sát trưởng phải có một trong những tiêu chuẩn sau đây:

a) Công trình nhóm A: Có thời gian liên tục làm công tác tư vấn giám sát,

thiết kế, thi công công trình xây dựng giao thông tối thiểu 7 năm; đã làm tư vấn giám sát trưởng (giám đốc dự án) hoặc đồng chủ nhiệm dự án (dự án ODA) hoặc phó tư vấn giám sát trưởng (phó giám đốc dự án) của một dự án nhóm A hoặc đã làm giám đốc, phó giám đốc thiết kế hoặc giám đốc điều hành thi công một dự án nhóm A, hoặc đã làm tư vấn giám sát trưởng của hai dự án nhóm B;

b) Công trình nhóm B: Có thời gian liên tục làm công tác tư vấn giám sát, thiết kế, thi công các công trình xây dựng giao thông tối thiểu 5 năm; đã làm tư vấn giám sát trưởng hoặc trợ lý kỹ sư thường trú (các dự án ODA) hoặc phó tư vấn giám sát trưởng một dự án nhóm B hoặc đã làm chủ trì thiết kế, phó giám đốc điều hành thi công một dự án nhóm A hoặc hai dự án nhóm B, hoặc đã làm tư vấn giám sát trưởng của hai công trình nhóm C;

c) Công trình nhóm C: Có thời gian liên tục làm công tác tư vấn giám sát, thiết kế, thi công tối thiểu 5 năm.

2. Kỹ sư thường trú: Phải có chứng chỉ hành nghề giám sát xây dựng công trình giao thông; có thời gian liên tục làm công tác tư vấn giám sát, thiết kế, thi công tối thiểu 5 năm, hoặc đã là tư vấn giám sát trưởng hoặc chủ trì thiết kế hoặc giám đốc điều hành thi công một dự án nhóm B.

3. Kỹ sư chuyên ngành (là kỹ sư có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu công việc chuyên môn hoặc nghiệp vụ của dự án): Phải có chứng chỉ hành nghề giám sát xây dựng công trình giao thông và được chia thành các loại sau đây:

a) Các dự án nhóm A: Kỹ sư có kinh nghiệm chuyên môn làm công tác thiết kế, tư vấn giám sát, thi công các công trình xây dựng giao thông liên tục từ 5 năm trở lên, đã từng tham gia tư vấn giám sát các dự án nhóm B.

b) Các dự án nhóm B: Kỹ sư có kinh nghiệm chuyên môn làm công tác thiết kế, tư vấn giám sát, thi công các công trình xây dựng giao thông liên tục từ 5 năm trở lên.

c) Các dự án nhóm C: Kỹ sư có kinh nghiệm chuyên môn làm công tác thiết kế và tư vấn giám sát các công trình xây dựng giao thông liên tục từ 5 năm trở lên.

4. Giám sát viên: Phải có chứng chỉ hành nghề giám sát xây dựng công trình giao thông; có năng lực về chuyên môn tư vấn giám sát các công trình xây dựng giao thông; có thâm niên công tác ít nhất 5 năm đối với kỹ sư và 7 năm đối với trình độ cao đẳng.

5. Tổ chức tư vấn phải có hợp đồng lao động với các kỹ sư tư vấn, giám sát

viên bố trí cho dự án với các hình thức hợp đồng như sau:

a) Tư vấn giám sát trường và kỹ sư thường trú: Hợp đồng lao động không thời hạn.

b) Kỹ sư chuyên ngành (chuyên môn hoặc nghiệp vụ chính): Hợp đồng lao động có thời hạn ít nhất bằng thời hạn thực hiện dự án.

c) Giám sát viên: Hợp đồng lao động có thời hạn trên một năm hoặc bằng thời hạn dự án.

Điều 11. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia tư vấn giám sát tại Việt Nam

Tổ chức, cá nhân nước ngoài khi hành nghề tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình trong ngành giao thông vận tải tại Việt Nam phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Điều 67 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ và các quy định tại Điều 9, Điều 10 của Quy chế này.

Chương 4

MỐI QUAN HỆ GIỮA TỔ CHỨC TƯ VẤN GIÁM SÁT VỚI CHỦ ĐẦU TƯ, NHÀ THẦU, TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Điều 12. Quan hệ giữa tổ chức tư vấn giám sát với chủ đầu tư

1. Quan hệ giữa tổ chức tư vấn giám sát và chủ đầu tư là quan hệ hợp đồng. Tổ chức tư vấn giám sát phải thực hiện đúng nội dung trong hợp đồng đã ký và pháp luật hiện hành, đảm bảo trung thực, khách quan, không vụ lợi và tư vấn đề chủ đầu tư không đưa ra những yêu cầu bất hợp lý. Chủ đầu tư không được tự ý thay đổi phạm vi ủy quyền hoặc có những can thiệp làm ảnh hưởng đến tính trung thực khách quan, không vụ lợi của tổ chức tư vấn giám sát.

2. Hợp đồng tư vấn giám sát giữa chủ đầu tư và tổ chức tư vấn giám sát phải thể hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của mỗi bên. Phạm vi quyền hạn và nghĩa vụ của tổ chức tư vấn giám sát phải được ghi rõ trong hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu hợp với nội dung ủy quyền trong hợp đồng giữa tổ chức tư vấn giám sát với chủ đầu tư và phù hợp với các quy định hiện hành.

Điều 13. Quan hệ giữa tổ chức tư vấn giám sát với nhà thầu

1. Quan hệ giữa tổ chức tư vấn giám sát và nhà thầu là quan hệ giữa người giám sát và người chịu giám sát. Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên được quy định trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu và theo các quy định hiện hành.

2. Quan hệ giữa tổ chức tư vấn giám sát và nhà thầu phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Mỗi bên phải tạo điều kiện cho bên kia thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, hợp tác giải quyết khó khăn trong quá trình thực hiện dự án, không gây trở ngại hoặc đưa ra các yêu cầu bất hợp lý cho bên kia. Phát hiện và kịp thời cải tiến các tác nghiệp nghiệp vụ, đặc biệt trong các quy định về nghiệm thu, thanh toán để kịp thời giải ngân, thúc đẩy tiến độ của dự án (gói thầu);

b) Nhà thầu phải thông báo kịp thời cho tổ chức tư vấn giám sát bằng văn bản về thời gian, vị trí, nội dung công việc bắt đầu thi công, những công việc đã kết thúc thi công theo quy định của hồ sơ thầu và được hệ thống kiểm tra chất lượng nội bộ kiểm tra đánh giá, chấp thuận. Văn bản thông báo phải gửi trước cho tổ chức tư vấn giám sát ít nhất 24 giờ;

c) Khi tổ chức tư vấn giám sát yêu cầu nhà thầu thực hiện các công việc theo đúng hợp đồng, nhà thầu phải thực hiện kịp thời và đầy đủ;

d) Tổ chức tư vấn giám sát và nhà thầu cũng như nhân viên của hai bên không được trao đổi bất kỳ lợi ích nào ngoài hợp đồng hoặc trái với luật pháp;

e) Trong trường hợp có sự bất đồng giữa tổ chức tư vấn giám sát với nhà thầu mà không tự giải quyết được phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết.

Điều 14. Quan hệ giữa tổ chức tư vấn giám sát và tổ chức tư vấn thiết kế

Quan hệ giữa tổ chức tư vấn giám sát và tổ chức tư vấn thiết kế là mối quan hệ phối hợp trên cơ sở trao đổi, kiểm tra phát hiện sai sót, bổ sung nhằm hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế đã được duyệt trên cơ sở cập nhật những số liệu cần thiết phù hợp với thực tế trong quá trình thực hiện dự án, cụ thể là:

1. Kiểm tra phát hiện sai sót trong hồ sơ thiết kế kỹ thuật (hồ sơ mời thầu xây lắp) đã được duyệt và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

2. Trường hợp có thay đổi lớn về thiết kế kỹ thuật (hồ sơ mời thầu xây lắp), tổ chức tư vấn giám sát cần trao đổi với tổ chức tư vấn thiết kế; đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Điều 15. Quan hệ giữa tổ chức tư vấn giám sát với địa phương

Tổ chức tư vấn giám sát phải quan hệ chặt chẽ với chính quyền và nhân dân địa phương trong việc giải quyết những vấn đề có liên quan đến dự án trong quá trình xây dựng; tuân thủ pháp luật của Nhà nước, chấp hành các chính sách của địa phương có liên quan đến dự án, tôn trọng phong tục tập quán, tín ngưỡng của nhân dân địa phương; chú trọng việc kiểm tra công tác đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, nhất là đối với các dự án nâng cấp, cải tạo.

Chương 5

CHẾ ĐỘ, QUYỀN LỢI CỦA TƯ VẤN
GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 16. Chế độ, quyền lợi của người thực hiện công tác tư vấn giám sát

1. Người thực hiện công tác tư vấn giám sát được bố trí nơi ăn nghỉ, văn phòng làm việc, phương tiện đi lại tại hiện trường bao gồm cả trang thiết bị văn phòng, thông tin liên lạc, dụng cụ bảo hộ lao động, những thiết bị cần thiết để kiểm tra các phần việc thi công của nhà thầu. Kinh phí cho các hạng mục nêu trên được tính trong tổng chi phí tư vấn giám sát trong giá trị của hợp đồng giữa chủ đầu tư và tổ chức tư vấn giám sát, hoặc chủ đầu tư cung cấp những điều kiện nêu trên nếu trong hợp đồng chưa tính những chi phí này.

2. Thời gian làm việc của người làm công tác tư vấn giám sát thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng và phù hợp với pháp luật lao động. Nếu chủ đầu tư hoặc nhà thầu yêu cầu tư vấn giám sát làm việc thêm giờ trong những giai đoạn thi công cao điểm, thì chủ đầu tư hoặc nhà thầu có thỏa thuận với tổ chức tư vấn giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật lao động về việc trả lương ngoài giờ cho tư vấn giám sát.

3. Trường hợp dự án bị kéo dài thời gian so với tiến độ quy định trong kế hoạch đấu thầu, hợp đồng không phải

do lỗi của tư vấn giám sát, thì các chi phí phát sinh cho tư vấn giám sát do thời gian kéo dài được chủ đầu tư và tổ chức tư vấn giám sát thương thảo, thống nhất để thanh toán bổ sung vào hợp đồng đã được ký kết giữa chủ đầu tư và tổ chức tư vấn giám sát theo các quy định hiện hành bao gồm cả chi phí nêu tại Khoản 1 Điều này.

4. Tổ chức tư vấn giám sát thực hiện tư vấn giám sát thi công dự án hoặc công trình mà dự án, công trình trong dự án được xét là công trình đạt chất lượng cao của Nhà nước, hoàn thành đúng tiến độ yêu cầu thì tổ chức tư vấn giám sát đó sẽ được khen thưởng và được ưu tiên trong việc tuyển chọn thực hiện tư vấn giám sát ở các công trình tiếp theo.

Điều 17. Xử lý vi phạm

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra, tổ chức và các cá nhân tham gia công tác tư vấn giám sát thi công dự án xây dựng trong ngành giao thông sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành, ngoài ra còn bị xử lý theo một trong những hình thức sau đây:

1. Tổ chức tư vấn giám sát bị đánh giá là không hoàn thành nhiệm vụ và vi phạm hợp đồng đã ký với chủ đầu tư tùy theo mức độ sẽ không được tham gia đấu thầu hoặc chỉ định thầu thực hiện công tác tư vấn giám sát từ 06 tháng đến 01 năm.

2. Buộc phải thay thế người làm tư vấn giám sát không đảm bảo điều kiện năng lực theo quy định; không được tham gia công tác tư vấn giám sát từ 06 tháng đến 01 năm, nếu bị phát hiện có lỗi vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ như vi phạm đạo đức của người tư vấn giám sát (cho tất cả các chức danh tư vấn), bỏ qua những sai sót của nhà thầu, lợi dụng quyền hạn để tư lợi và các vi phạm khác chưa đến mức thu hồi chứng chỉ.

3. Người làm tư vấn giám sát bị thu hồi chứng chỉ nếu có sai phạm lớn như vi phạm đạo đức tư vấn, cố ý làm sai lệch kết quả giám sát đối với khối lượng và chất lượng thi công theo quy định của dự án và pháp luật.

4. Trong trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật hoặc có các vi phạm gây

thiệt hại nghiêm trọng về tài sản và lợi ích của chủ đầu tư thì phải bồi thường thiệt hại và bị truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông chịu trách nhiệm theo dõi kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các tổ chức, cá nhân liên quan báo cáo kịp thời về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

BỘ TRƯỞNG

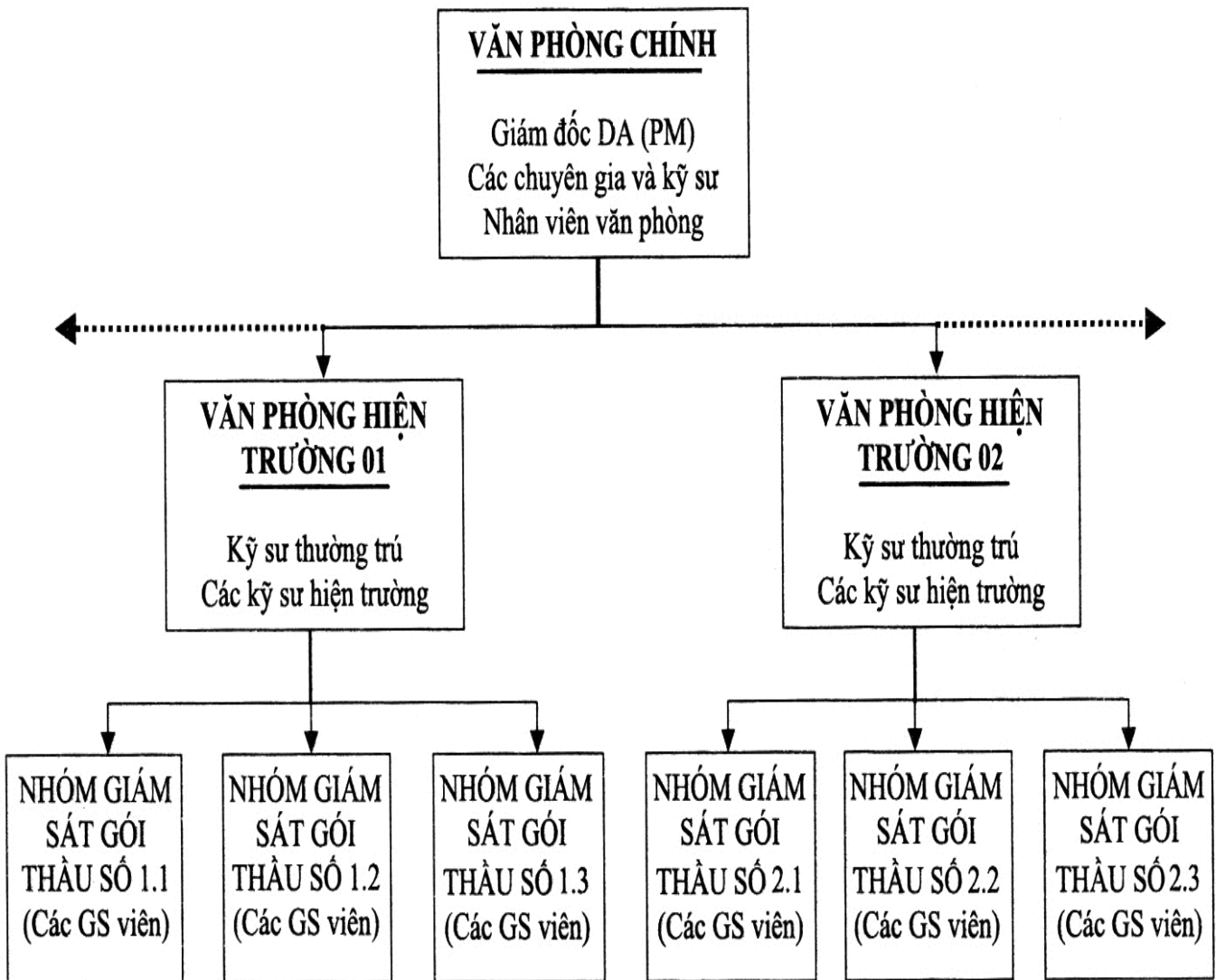
Hồ Nghĩa Dũng

09630237

MÔ HÌNH TỔ CHỨC VĂN PHÒNG TVGS ĐỐI VỚI DỰ ÁN XDGT

(chuyên ngành đường bộ, đường sắt, cầu, cảng...)

A. SƠ ĐỒ BỐ TRÍ CÁC VĂN PHÒNG TVGS



B. CƠ CẤU NHÂN SỰ ĐỐI VỚI VĂN PHÒNG TVGS DỰ ÁN XDGT

VĂN PHÒNG CHÍNH	VĂN PHÒNG HIỆN TRƯỞNG
<p>1. TVGS trưởng (Giám đốc điều hành DA)</p> <p>2. Bộ phận chuyên môn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư chuyên ngành XD công trình (cầu, đường bộ, cảng, đường sắt, xây dựng dân dụng...) phù hợp với loại công trình trong Dự án. - Kỹ sư chuyên ngành khác: (Vật liệu, địa chất, thủy văn, môi trường, an toàn giao thông, điện, thông tin, tín hiệu...) - Kỹ sư quản lý khối lượng, chi phí tài liệu (Kỹ sư kinh tế, kinh tế XD...) <p>3. Bộ phận văn phòng:</p> <p>Các nhân viên bố trí phù hợp theo yêu cầu</p>	<p>1. Kỹ sư thường trú</p> <p>2. Bộ phận chuyên môn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư chuyên ngành XD công trình phù hợp loại công trình, hạng mục của các gói thầu được giao - Kỹ sư chuyên ngành khác: Kỹ sư vật liệu, Kỹ sư chuyên ngành khác (nếu cần). - Kỹ sư quản lý khối lượng, chi phí tài liệu <p>2. Bộ phận văn phòng:</p> <p>Các nhân viên bố trí phù hợp theo yêu cầu.</p> <p>4. Nhóm giám sát gói thầu</p> <p>Các Giám sát viên chuyên ngành, phù hợp tính chất công trình, hạng mục của các gói thầu được giao.</p>

Ghi chú:

1. Nguyên tắc điều hành Dự án theo PM (Giám đốc điều hành Dự án)
2. Đối với dự án nhóm A, quy định bắt buộc phải bố trí văn phòng chính và các văn phòng hiện trường. Đối với các dự án nhóm B, C, văn phòng chính có thể kiêm nhiệm vụ của một văn phòng hiện trường. Tùy theo mức độ phức tạp và quy mô của từng dự án và từng gói thầu mà bố trí số lượng văn phòng hiện trường để mỗi văn phòng hiện trường có thể quản lý từ 1 - 3 gói thầu (tương ứng với 1 - 3 nhóm giám sát gói thầu)
4. Mỗi văn phòng phải có ít nhất: 01 kỹ sư chuyên ngành XDGT phù hợp; 01 kỹ sư vật liệu; 01 kỹ sư kinh tế hoặc kinh tế XD và các kỹ sư chuyên ngành khác tùy thuộc vào quy mô, tính chất đặc điểm và khối lượng thực hiện của dự án, gói thầu.
5. Số lượng và cơ cấu nhân sự trong mỗi văn phòng, mỗi gói thầu phải bố trí phù hợp với tiến độ xây dựng (dự án, gói thầu) và phải được Ban QLDA hoặc chủ đầu tư phê duyệt trên cơ sở đề xuất và trình của TVGS trưởng.